

BỘ TÀI CHÍNH
Số: 54/2003/QĐ-BTC

CỘNG HOÀ XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
Độc lập - Tự do - Hạnh phúc
Hà Nội, ngày 16 tháng 4 năm 2003

QUYẾT ĐỊNH
CỦA BỘ TRƯỞNG BỘ TÀI CHÍNH
*Quy định quản lý hải quan đối với hàng
hoá bán tại cửa hàng kinh doanh hàng miễn thuế*

BỘ TRƯỞNG BỘ TÀI CHÍNH

Căn cứ Luật Hải quan số 29/2001/QH10 được Quốc hội nước CHXHCN Việt Nam Khoá X, kỳ họp thứ 9 thông qua ngày 29/06/2001;

Căn cứ Nghị định 101/2001/NĐ-CP ngày 31/12/2001 của Chính phủ quy định chi tiết thi hành một số điều của Luật Hải quan về thủ tục hải quan, chế độ kiểm tra, giám sát hải quan;

Căn cứ Nghị định 86/2002/NĐ-CP ngày 05/11/2002 của Chính phủ quy định chức năng, nhiệm vụ, quyền hạn và cơ cấu tổ chức của Bộ, cơ quan ngang Bộ.

Căn cứ Quyết định 205/1998/QĐ-TTg ngày 19/08/1998 của Thủ tướng Chính phủ ban hành Quy chế về cửa hàng kinh doanh hàng miễn thuế;

Xét đề nghị của Tổng cục trưởng Tổng cục Hải quan.

QUYẾT ĐỊNH:

Điều 1. Ban hành kèm theo Quyết định này Quy định quản lý hải quan đối với hàng hoá bán tại cửa hàng kinh doanh hàng miễn thuế.

Điều 2. Quyết định này có hiệu lực thi hành sau 15 ngày kể từ ngày đăng Công báo. Bãi bỏ Quyết định 1549/2001/QĐ-TCHQ ngày 26/12/2001, Điều 6 - Quyết định số 19/2002/QĐ-TCHQ ngày 10/01/2002 của Tổng cục trưởng Tổng cục Hải quan và các văn bản hướng dẫn khác trái với quy định tại Quyết định này.

Điều 3. Tổng cục trưởng Tổng cục Hải quan, Thủ trưởng các đơn vị thuộc và trực thuộc cơ quan Bộ Tài chính và các tổ chức, cá nhân liên quan chịu trách nhiệm thi hành Quyết định này.

QUY ĐỊNH

QUẢN LÝ HẢI QUAN ĐỐI VỚI HÀNG HOÁ BÁN TẠI CỬA HÀNG KINH DOANH HÀNG MIỄN THUẾ

(Ban hành kèm theo Quyết định số 54/2003/QĐ-BTC

ngày 16/04/2003 của Bộ trưởng Bộ Tài chính)

I. QUI ĐỊNH CHUNG

1. Hàng hoá nhập khẩu bán tại cửa hàng kinh doanh hàng miễn thuế (sau đây gọi tắt là cửa hàng) được làm thủ tục hải quan tại Chi cục Hải quan quản lý cửa hàng.

Thủ tục hải quan đối với hàng hoá nhập khẩu để bán tại cửa hàng thực hiện như qui định đối với hàng kinh doanh nhập khẩu. Riêng phần tính thuế chỉ phải thực hiện đối với trường hợp mặt hàng nhập khẩu để bán cho người nhập cảnh có đơn giá vượt quá tiêu chuẩn hành lý miễn thuế (tính thuế và thu thuế đối với phần vượt).

2. Hàng hoá đưa vào bán tại cửa hàng phải được dán tem "VIETNAM DUTY NOT PAID" dưới sự giám sát của Hải quan.

3. Hải quan không niêm phong kho hàng, cửa hàng, không trực tiếp giám sát, không trực tiếp làm thủ tục bán hàng. Mỗi tháng một lần, Hải quan thực hiện kiểm tra chứng từ bán hàng của cửa hàng để thanh khoản tờ khai nhập khẩu. Trong quá trình thanh khoản nếu xét thấy cần thiết thì Hải quan thực hiện việc kiểm tra lượng hàng tồn.

4. Trách nhiệm của cửa hàng:

4.1. Bán hàng đúng thủ tục, đúng đối tượng, đúng định lượng qui định.

4.2. Lưu giữ hồ sơ chứng từ bán hàng theo qui định tại Mục II dưới đây.

4.3. Mỗi tháng, cửa hàng phải làm báo cáo bán hàng gửi Chi cục Hải quan quản lý cửa hàng (theo mẫu ban hành kèm theo Quyết định này) để Hải quan kiểm tra và thanh khoản.

4.4. Cửa hàng phải có hệ thống máy tính nối mạng với Chi cục Hải quan quản lý cửa hàng để truyền trực tiếp tới cơ quan Hải quan:

- Số liệu bán hàng (tên người mua hàng, số hộ chiếu hoặc số giấy thông hành, tên hàng, số lượng, trị giá...).

- Số liệu hàng tồn kho (tên hàng, mã số, số lượng, trị giá...).

5. Hải quan quản lý cửa hàng phải mở sổ theo dõi hàng nhập khẩu để bán tại cửa hàng và số liệu hàng bán, hàng tồn do cửa hàng cung cấp theo quy định tại điểm 5.4 trên đây.

II. QUY ĐỊNH VỀ BÁN HÀNG

1. Trường hợp người mua hàng là các cơ quan đại diện Ngoại giao, cơ quan Lãnh sự và cơ quan đại diện các Tổ chức quốc tế tại Việt Nam được hưởng tiêu chuẩn định lượng miễn thuế quy định tại Nghị định 73/CP ngày 30/07/1994 của Chính phủ:

1.1. Nhân viên bán hàng phải kiểm tra các chứng từ sau:

- a) Hộ chiếu, chứng minh thư ngoại giao hoặc công hàm (nếu người mua là cơ quan).
- b) Sổ định mức hàng miễn thuế.
- c) Văn bản uỷ quyền mua hàng (đối với trường hợp mua hàng theo uỷ quyền).
- d) Giấy phép của Cục Hải quan Tỉnh, Thành phố (đối với mặt hàng là ô tô, xe gắn máy).

1.2. Nhân viên bán hàng phải thu và lưu các chứng từ sau:

- a) Cắt ô tem tương ứng với mặt hàng bán và dán vào hoá đơn bán hàng.
- b) Hoá đơn bán hàng.
- c) Các chứng từ c, d quy định tại điểm 1.1 trên đây.

2. Trường hợp người xuất cảnh mua hàng tại cửa hàng ở cửa khẩu xuất:

2.1. Nhân viên bán hàng phải kiểm tra các chứng từ sau:

- a) Hộ chiếu hoặc giấy thông hành xuất nhập cảnh.
- b) Chứng từ chứng minh nguồn gốc ngoại tệ hợp pháp (trường hợp mua hàng với trị giá trên mức ngoại tệ qui định phải khai báo Hải quan theo quy định của Ngân hàng Nhà nước Việt Nam).

2.2. Nhân viên bán hàng phải thực hiện:

- a) Ghi đầy đủ họ tên, số hộ chiếu, ngày xuất cảnh của người mua hàng vào hoá đơn bán hàng.
- b) Lưu hoá đơn bán hàng.

2.3. Trường hợp khách du lịch xuất cảnh bằng đường biển không có thị thực nhập cảnh, không có tờ khai hành lý thì thực hiện như quy định tại điểm 2.2 trên đây.

3. Trường hợp người xuất cảnh mua hàng tại cửa hàng nội địa:

3.1. Nhân viên bán hàng phải kiểm tra các chứng từ sau:

- a) Hộ chiếu.
- b) Vé máy bay đã được đặt chỗ.

3.2. Nhân viên bán hàng phải thu và lưu các chứng từ sau:

- a) Hoá đơn bán hàng (đã có xác nhận thực xuất của Hải quan cửa khẩu xuất).
- b) Ghi đầy đủ họ tên, số hộ chiếu, số hiệu chuyến bay, ngày xuất cảnh của người mua hàng vào hoá đơn bán hàng.

3.3. Thủ tục hải quan của Chi cục Hải quan quản lý cửa hàng:

- a) Kiểm tra, đối chiếu hàng hoá đã bán với hoá đơn bán hàng.

b) Niêm phong hàng hoá đã bán để cửa hàng chuyển tới cửa khẩu xuất.

3.4. Thủ tục Hải quan tại cửa khẩu xuất:

a) Kiểm tra niêm phong của Hải quan quản lý cửa hàng.

b) Giám sát để đảm bảo hàng thực xuất.

c) Xác nhận thực xuất vào từng hoá đơn bán hàng.

4. Trường hợp người nhập cảnh mua hàng ở cửa hàng miễn thuế tại cửa khẩu nhập và cửa hàng miễn thuế tại nội thành:

4.1. Nhân viên bán hàng phải kiểm tra các chứng từ sau:

a) Hộ chiếu.

b) Tờ khai nhập xuất cảnh.

c) Sau khi bán hàng nhân viên cửa hàng phải ghi tổng trị giá hàng đã bán, ký ghi rõ họ tên vào tờ khai nhập xuất cảnh.

4.2. Nhân viên bán hàng phải thu và lưu các chứng từ sau:

a) Hoá đơn bán hàng.

b) Ghi đầy đủ họ tên, số hộ chiếu, ngày nhập cảnh của người mua hàng vào hoá đơn bán hàng.

c) Thu bản copy Tờ khai nhập xuất cảnh (sau khi đã ghi theo quy định tại điểm 3.1.c trên đây).

5. Các trường hợp người mua là chuyên gia nước ngoài thực hiện các chương trình, dự án ODA ở Việt Nam theo tiêu chuẩn định lượng miễn thuế được quy định tại Quyết định số 211/1998/QĐ-TTg ngày 31/10/1998 của Thủ tướng Chính phủ, người Việt Nam định cư ở nước ngoài về nước làm việc theo lời mời của cơ quan Nhà nước Việt Nam quy định tại Quyết định số 210/1999/QĐ-TTg ngày 27/10/1999 của Thủ tướng Chính phủ:

5.1. Thủ tục trước khi bán hàng: Cửa hàng phải xuất trình văn bản quy định ở điểm 5.2.c dưới đây với Chi cục Hải quan quản lý cửa hàng để xác nhận và trừ lùi hàng hoá mua tại cửa hàng.

5.2. Nhân viên bán hàng phải kiểm tra các chứng từ sau:

a) Hộ chiếu.

b) Tờ khai nhập xuất cảnh.

c) Văn bản xác nhận của Bộ Kế hoạch và Đầu tư (nếu là chuyên gia ODA) hoặc của Bộ, ngành mời người Việt Nam định cư ở nước ngoài về nước làm việc (nếu là Việt Nam định cư ở nước ngoài).

5.3. Nhân viên bán hàng phải thu và lưu các chứng từ sau:

a) Hoá đơn bán hàng.

b) Ghi đầy đủ họ tên, số hộ chiếu, ngày nhập cảnh của người mua hàng vào hoá đơn bán hàng.

c) Đối với văn bản quy định tại điểm 5.2.c trên đây: